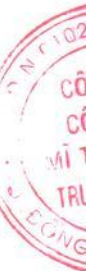




**CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ THUẬT VÀ
TRUYỀN THÔNG**

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015



MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13/09/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019582 ngày 14/09/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 20/04/2015 với mã số doanh nghiệp là 0102365521.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 113/GCN-SGDHN ngày 17/12/2010 với mã chứng khoán là ADC. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là ngày 24/12/2010.

Vốn điều lệ: 18.000.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2015: 18.000.000.000 đồng

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 04.35122163
- Fax: (84) 04.35121385
- Website: www.adc.net.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí. Chi tiết: Tổ chức hoạt động vẽ, sáng tác các tác phẩm nghệ thuật và các hoạt động hội họa khác;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế trang web; Dịch vụ thiết kế nội thất, ngoại thất và các dịch vụ thiết kế chuyên dụng khác (thời trang, mẫu quần áo, đồng phục học sinh, giày dép, thiết kế phối cảnh phim, sân khấu); Tư vấn và thiết kế quảng cáo thương mại; Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội chợ triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm thương mại;
- In ấn. Chi tiết: Dịch vụ chế bản, in các sản phẩm ngành giáo dục;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Buôn bán nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo trưng bày, giới thiệu hàng hóa và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Mở trường dạy nghề, đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên ngành mỹ thuật, thiết kế - đồ họa (Chi hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy - học; Phát hành sách, tranh - ảnh phục vụ cho ngành giáo dục và các sản phẩm khác (lịch, catalogue) (không bao gồm xuất nhập khẩu); Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất khẩu các nguyên liệu, vật tư và các sản phẩm in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông (trừ loại Nhà nước cấm); Dịch vụ ủy thác xuất khẩu;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và hàng giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Chi tiết: Hoạt động sản xuất các chương trình truyền hình và các chương trình quảng cáo (không hoạt động sản xuất phim ảnh);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 214 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 7 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------|--------------|------------------------------|
| • Ông Lê Hoàng Hải | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 01/04/2015 |
| • Ông Phạm Ngọc Tới | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 27/03/2013 |
| | | Miễn nhiệm ngày 01/04/2015 |
| | Phó chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 01/04/2015 |
| • Ông Phạm Văn Thắng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 21/03/2013 |
| • Bà Nguyễn Bích La | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 21/03/2013 |
| • Ông Lê Huy | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 18/03/2015 |
| • Ông Tô Thanh Bình | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 21/03/2013 |
| | | Miễn nhiệm ngày 11/02/2015 |

Ban kiểm soát

- | | | |
|-------------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Trần Thị Thu Hương | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 27/03/2013 |
| • Bà Phan Thị Thu Hương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 21/03/2013 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh Thành viên Bổ nhiệm ngày 21/03/2013

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- Ông Lê Huy Giám đốc Bổ nhiệm ngày 01/04/2015
- Ông Lê Hoàng Hải Giám đốc Bổ nhiệm lại ngày 27/03/2013
Miễn nhiệm ngày 01/04/2015
- Bà Nguyễn Bích La Phó Giám đốc Bổ nhiệm lại ngày 27/03/2013
- Ông Phạm Văn Thắng Phó Giám đốc Bổ nhiệm lại ngày 27/03/2013
- Ông Nguyễn Phong Yên Kế toán trưởng Bổ nhiệm ngày 12/09/2014

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
MỸ THUẬT VÀ
TRUYỀN THÔNG
Lê Huy



Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hai Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84 511 3655886; Fax: 84 511 3655887
Email: aac@dng.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84 8 39102235; Fax: 84 8 39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 853/2015/BCSX-AAC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, được lập ngày 12/08/2015 của Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 26. Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1
Đà Nẵng, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Nguyễn Thị Thúy – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1622-2013-010-1

17
G
H
V
A
T

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		49.625.960.536	62.127.976.702
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.621.044.575	5.476.444.381
1. Tiền	111		621.044.575	5.476.444.381
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		750.000.000	12.500.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	750.000.000	12.500.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.967.895.709	33.810.586.991
1. Phải thu khách hàng	131		18.324.457.819	23.790.343.785
2. Trả trước cho người bán	132		2.791.505.465	9.971.194.400
3. Các khoản phải thu khác	135	7	2.307.767.709	507.605.690
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(455.835.284)	(458.556.884)
IV. Hàng tồn kho	140		15.772.953.104	8.371.656.199
1. Hàng tồn kho	141	8	15.810.243.838	8.408.946.933
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(37.290.734)	(37.290.734)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.514.067.148	1.969.289.131
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	4.006.587.058	1.612.658.339
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		388.962.542	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	1.118.517.548	356.630.792
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.949.934.503	5.584.844.625
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		12.448.137.099	1.538.061.802
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	911.485.954	1.538.061.802
- Nguyên giá	222		7.941.146.762	7.941.146.762
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.029.660.808)	(6.403.084.960)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	11.536.651.145	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.501.797.404	4.046.782.823
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	2.083.154.496	2.578.694.797
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		172.493.908	221.939.026
3. Tài sản dài hạn khác	268	14	1.246.149.000	1.246.149.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		65.575.895.039	67.712.821.327

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		38.109.028.810	40.107.962.858
I. Nợ ngắn hạn	310		38.109.028.810	40.107.962.858
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	2.750.000.000
2. Phải trả người bán	312		30.949.414.952	22.871.649.484
3. Người mua trả tiền trước	313		4.123.562.139	2.511.066.916
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	1.145.847.689	1.816.676.880
5. Phải trả người lao động	315		-	9.594.120.507
6. Chi phí phải trả	316		-	4.904.167
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	714.988.936	220.262.665
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.175.215.094	339.282.239
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		27.466.866.229	27.604.858.469
I. Vốn chủ sở hữu	410		27.466.866.229	27.604.858.469
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	18.000.000.000	18.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	17	(119.378.500)	(119.378.500)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	17	5.224.554.114	3.712.465.135
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	17	4.361.690.615	6.011.771.834
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		65.575.895.039	67.712.821.327



Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Phong Yên

Người lập biểu

Nguyễn Phong Yên

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	18	54.352.500.471	34.763.149.132
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	18	54.352.500.471	34.763.149.132
4. Giá vốn hàng bán	11	19	36.417.792.680	24.614.856.727
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		17.934.707.791	10.148.292.405
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	288.416.428	563.543.322
7. Chi phí tài chính	22	21	14.129.016	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		14.129.016	-
8. Chi phí bán hàng	24		12.485.807.203	6.949.742.400
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.591.372.235	2.689.578.465
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.131.815.765	1.072.514.862
11. Thu nhập khác	31	22	120.830.007	192.353.861
12. Chi phí khác	32	23	38.284.617	9.257.621
13. Lợi nhuận khác	40		82.545.390	183.096.240
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	24	1.214.361.155	1.255.611.102
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	403.225.422	330.350.815
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	24	49.445.118	15.291.687
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	24	761.690.615	909.968.600
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	423	607



Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2015

Kế toán trưởng

(Signature)
Nguyễn Phong Yên

Người lập biểu

(Signature)
Nguyễn Phong Yên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	62.856.179.829	48.905.663.756
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(50.446.101.008)	(37.678.513.736)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(14.782.071.597)	(11.677.202.567)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(19.033.183)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(980.857.007)	(1.582.956.290)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	265.270.144	476.786.476
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(3.725.339.467)	(1.773.502.729)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6.831.952.289)	(3.329.725.090)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(3.674.394.767)	(50.182.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(11.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	11.750.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	650.947.250	363.850.267
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	8.726.552.483	(10.686.331.733)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.535.860.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.285.860.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(13.699.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.750.000.000)	(13.699.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(855.399.806)	(14.029.755.823)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.476.444.381	16.839.710.614
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.621.044.575	2.809.954.791



Lê Huy

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Phong Yên

Người lập biểu

Nguyễn Phong Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13/09/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019582 ngày 14/09/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 20/04/2015 với mã số doanh nghiệp là 0102365521.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 113/GCN-SGDHN ngày 17/12/2010 với mã chứng khoán là ADC. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là ngày 24/12/2010.

Vốn điều lệ: 18.000.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2015: 18.000.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh chính

- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí. Chi tiết: Tổ chức hoạt động vẽ, sáng tác các tác phẩm nghệ thuật và các hoạt động hội họa khác;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế trang web; Dịch vụ thiết kế nội thất, ngoại thất và các dịch vụ thiết kế chuyên dụng khác (thời trang, mẫu quần áo, đồng phục học sinh, giày dép, thiết kế phối cảnh phim, sân khấu); Tư vấn và thiết kế quảng cáo thương mại; Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội chợ triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm thương mại;
- In ấn. Chi tiết: Dịch vụ chế bản, in các sản phẩm ngành giáo dục;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Buôn bán nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo trưng bày, giới thiệu hàng hóa và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Mở trường dạy nghề, đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên ngành mỹ thuật, thiết kế - đồ họa (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy - học; Phát hành sách, tranh - ảnh phục vụ cho ngành giáo dục và các sản phẩm khác (lịch, catalogue) (không bao gồm xuất nhập khẩu); Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất khẩu các nguyên liệu, vật tư và các sản phẩm in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông (trừ loại Nhà nước cấm); Dịch vụ ủy thác xuất khẩu;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và hàng giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Chi tiết: Hoạt động sản xuất các chương trình truyền hình và các chương trình quảng cáo (không hoạt động sản xuất phim ảnh);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015 (bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015).

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính này được lập và trình bày theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản nợ phải thu được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải thu là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên giao dịch.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán được lập cho các loại chứng khoán đầu tư của Công ty bị giảm giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Công ty thực hiện khấu hao nhanh đối với tất cả tài sản cố định hiện có. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Máy móc, thiết bị	Hết khấu hao
Phương tiện vận tải	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm;
- Chi phí thuê cửa hàng được phân bổ theo thời gian thuê;
- Phí quản lý xuất bản được phân bổ theo số lượng sách in nhập kho;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Thời điểm ghi nhận nợ phải trả là thời điểm phát sinh nghĩa vụ phải thanh toán của Công ty hoặc khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải trả là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

4.8 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp.

Thặng dư vốn cổ phần ghi nhận khoản chênh lệch giữa mệnh giá cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận chỉ thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Cổ tức trả cho cổ đông góp vốn không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

4.10 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều niên độ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng năm được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.11 Giá vốn hàng bán

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp

Các khoản giảm giá vốn trong kỳ bao gồm hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ,...

4.12 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.13 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi Công ty hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng phải trả, ...

4.14 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.15 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - ✓ Đối với sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - ✓ Đối với sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa, sách bản quyền: Áp dụng mức thuế suất 5%;
 - ✓ Đối với thiết kế, chế bản và truyền thông: Áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, đầu tư tài chính, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền mặt	105.244.098	109.610.157
Tiền gửi ngân hàng	515.800.477	5.366.834.224
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	4.000.000.000	-
Cộng	<u>4.621.044.575</u>	<u>5.476.444.381</u>

6. Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (75.000 CP)	750.000.000	750.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	11.750.000.000
Cộng	<u>750.000.000</u>	<u>12.500.000.000</u>

Báo cáo tài chính các năm của Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội đều có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Cổ phiếu của Công ty này chưa niêm yết trên các sở giao dịch và công ty cũng không có nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này. Do đó, khoản đầu tư trên được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Các khoản phải thu khác

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Tạ Thanh Tùng	7.683.263	7.683.263
Lãi dự thu tiền gửi kỳ hạn	14.400.000	376.930.822
BHXX, BHYT, BHTN	58.211.835	59.074.037
Phải thu người lao động (dư nợ TK334) (*)	2.131.750.021	-
Phải thu khác	95.722.590	63.917.568
Cộng	2.307.767.709	507.605.690

(*) Đơn giá lương của Công ty được Đại hội cổ đông thông qua và được trích tỷ lệ theo lợi nhuận trước thuế. Tuy nhiên, do đặc thù sản xuất kinh doanh theo mùa vụ, lợi nhuận 6 tháng đầu năm chỉ chiếm khoảng 20% lợi nhuận của cả năm. Do đó, để ổn định đời sống cán bộ công nhân viên các tháng trong năm, Công ty đã tạm ứng lương cho người lao động. Theo đó, trong 6 tháng đầu năm 2015, tiền lương thực chi cho người lao động lớn hơn quỹ lương được trích. Chênh lệch này được Công ty phản ánh trên khoản mục "Các khoản phải thu khác" là 2.131.750.021 đồng và sẽ được bù đắp hết trong 6 tháng cuối năm 2015.

8. Hàng tồn kho

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.858.058.484	1.534.593.904
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	455.420.000	-
Thành phẩm	12.811.570.785	5.295.709.059
Hàng hóa	685.194.569	1.578.643.970
Cộng	15.810.243.838	8.408.946.933

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	212.481.226	565.036.337
Phần mềm bán hàng	34.408.489	37.000.002
Chi phí thuê cửa hàng	1.220.354.332	1.010.622.000
Phí quản lý xuất bản	2.380.734.001	-
Chi phí sửa chữa	158.609.010	-
Cộng	4.006.587.058	1.612.658.339

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Tạm ứng	1.118.517.548	356.630.792
Cộng	<u>1.118.517.548</u>	<u>356.630.792</u>

11. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	3.394.039.871	3.236.152.191	1.310.954.700	7.941.146.762
Phân loại lại	850.818.182		(850.818.182)	-
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>4.244.858.053</u>	<u>3.236.152.191</u>	<u>460.136.518</u>	<u>7.941.146.762</u>
Khấu hao				
Số đầu kỳ	3.394.039.871	2.211.708.471	797.336.618	6.403.084.960
Phân loại lại	416.676.770		(416.676.770)	-
Khấu hao trong kỳ	162.060.606	429.308.575	35.206.667	626.575.848
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>3.972.777.247</u>	<u>2.641.017.046</u>	<u>415.866.515</u>	<u>7.029.660.808</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	-	1.024.443.720	513.618.082	1.538.061.802
Số cuối kỳ	<u>272.080.806</u>	<u>595.135.145</u>	<u>44.270.003</u>	<u>911.485.954</u>

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2015 là 4.773.493.498 đồng.

Không có tài sản cố định đang cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2015.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Nhà văn phòng	11.536.651.145	-
Cộng	<u>11.536.651.145</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	124.313.003	213.718.570
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.958.841.493	2.364.976.227
Cộng	2.083.154.496	2.578.694.797

14. Tài sản dài hạn khác

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Ký cược, ký quỹ dài hạn (Đặt cọc tiền thuê nhà)	1.246.149.000	1.246.149.000
Cộng	1.246.149.000	1.246.149.000

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	111.701.201
Thuế thu nhập doanh nghiệp	298.403.167	876.034.752
Thuế thu nhập cá nhân	847.444.522	828.940.927
Cộng	1.145.847.689	1.816.676.880

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Kinh phí công đoàn	340.419.066	68.478.277
Các khoản phải trả, phải nộp khác	374.569.870	151.784.388
- Quỹ từ thiện NXB	18.450.000	18.450.000
- Phải trả khác	356.119.870	133.334.388
Cộng	714.988.936	220.262.665

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
SD tại 01/01/2014	15.000.000.000	(119.500.000)	2.318.879.561	648.072.913	(150.000)	4.420.371.616
Tăng trong năm	3.000.000.000	121.500	525.188.387	220.324.274	-	5.997.885.701
Giảm trong năm	-	-	-	-	(150.000)	4.406.485.483
SD tại 31/12/2014	18.000.000.000	(119.378.500)	2.844.067.948	868.397.187	-	6.011.771.834
SD tại 01/01/2015	18.000.000.000	(119.378.500)	3.712.465.135	-	-	6.011.771.834
Tăng trong kỳ	-	-	1.512.088.979	-	-	761.690.615
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	2.411.771.834
SD tại 30/06/2015	18.000.000.000	(119.378.500)	5.224.554.114	-	-	4.361.690.615

b. Cổ phiếu

	30/06/2015 Cổ phiếu	31/12/2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.800.000	1.800.000
- Cổ phiếu thường	1.800.000	1.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.800.000	1.800.000
- Cổ phiếu thường	1.800.000	1.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	6.011.771.834	4.420.371.616
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	761.690.615	5.997.885.701
Phân phối lợi nhuận	2.411.771.834	4.406.485.483
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	2.411.771.834	4.406.485.483
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	1.512.088.979	745.512.661
+ Trích quỹ KTPL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	899.682.855	660.972.822
+ Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	3.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.361.690.615	6.011.771.834

(*) Lợi nhuận sau thuế năm 2014 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 18/03/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 đã thông qua phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 với tỷ lệ 20%/vốn điều lệ (tương ứng 3.600.000.000 đồng). Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện việc tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu trong 6 tháng đầu năm 2015.

18. Doanh thu

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Tổng doanh thu	54.352.500.471	34.763.149.132
+ Doanh thu bán sách tham khảo	51.226.763.694	29.489.334.194
+ Doanh thu phim, mỹ thuật, truyền thông	3.125.736.777	5.273.814.938
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Cộng	54.352.500.471	34.763.149.132

19. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Giá vốn sách tham khảo	34.946.629.110	22.854.226.983
Giá vốn phim, mỹ thuật, truyền thông	1.471.163.570	1.760.629.744
Cộng	36.417.792.680	24.614.856.727

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	175.916.428	451.043.322
Cổ tức, lợi nhuận được chia	112.500.000	112.500.000
Cộng	288.416.428	563.543.322

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Chi phí lãi vay	14.129.016	
Cộng	14.129.016	-

22. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Nhận tiền khuyến mãi	77.823.159	112.128.911
Thu tiền đền bù do mất hàng	32.178.048	11.683.210
Thu nhập khác	10.828.800	68.541.740
Cộng	120.830.007	192.353.861

23. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Nộp phạt thuế	32.808.059	-
Chi phí khác	5.476.558	9.257.621
Cộng	38.284.617	9.257.621

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.214.361.155	1.255.611.102
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	260.077.838	245.983.510
Điều chỉnh tăng	597.328.376	427.991.177
- Chi phí không hợp lệ	116.250.000	176.590.860
- Thủ lao Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành	358.870.000	162.000.000
- Khấu hao của nguyên giá xe ô tô vượt 1,6 tỷ	89.400.317	89.400.317
- Lãi + phạt thuế	32.808.059	-
Điều chỉnh giảm (cổ tức lợi nhuận được chia)	337.250.538	182.007.667
- Cổ tức lợi nhuận được chia	112.500.000	112.500.000
- Khấu hao chênh lệch giữa thuế và kế toán	224.750.538	69.507.667
Tổng thu nhập chịu thuế	1.474.438.993	1.501.594.612
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	403.225.422	330.350.815
- Chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	324.376.579	330.350.815
- Chi phí thuế TNDN hiện hành năm trước	78.848.843	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	49.445.118	15.291.687
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại năm nay	49.445.118	15.291.687
Lợi nhuận sau thuế TNDN	761.690.615	909.968.600

25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	761.690.615	909.968.600
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.800.000	1.499.985
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	423	607

26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.820.025.373	6.593.968.522
Chi phí nhân công	5.260.606.016	3.548.705.020
Chi phí khấu hao tài sản cố định	626.575.848	684.942.630
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.481.600.045	7.936.726.809
Chi phí khác bằng tiền	3.630.348.107	1.314.090.406
Cộng	34.819.155.389	20.078.433.387

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Đến thời điểm 30/06/2015, Công ty không còn số dư nợ vay; do đó, Ban Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro về biến động lãi suất.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

Ngoài ra, chi phí in ấn cũng chiếm phần lớn trong giá vốn thành phẩm nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm khách hàng cung cấp với mức phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in để giảm chi phí.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau. Hơn nữa khách hàng của Công ty là các Công ty sách lớn, Vụ mầm non và Sở giáo dục. Đây là các khách hàng truyền thống, tình hình thanh toán kịp thời. Mặt khác, các khoản nợ sắp đến hạn thanh toán thường xuyên được Công ty đôn đốc thu hồi.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	30.949.414.952	-	30.949.414.952
Phải trả khác	374.569.870	-	374.569.870
Cộng	31.323.984.822	-	31.323.984.822
31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	2.750.000.000	-	2.750.000.000
Phải trả người bán	22.871.649.484	-	22.871.649.484
Chi phí phải trả	4.904.167	-	4.904.167
Phải trả khác	151.784.388	-	151.784.388
Cộng	25.778.338.039	-	25.778.338.039

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hiện đang có rủi ro thanh khoản nhưng tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần:

Đơn vị tính: VND

30/06/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.621.044.575	-	4.621.044.575
Phải thu khách hàng	17.868.622.535	-	17.868.622.535
Phải thu khác	117.805.853	-	117.805.853
Đầu tư tài chính	750.000.000	-	750.000.000
Tài sản tài chính khác	-	1.246.149.000	1.246.149.000
Cộng	23.357.472.963	1.246.149.000	24.603.621.963
31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.476.444.381	-	5.476.444.381
Phải thu khách hàng	23.331.786.901	-	23.331.786.901
Phải thu khác	448.531.653	-	448.531.653
Đầu tư tài chính	12.500.000.000	-	12.500.000.000
Tài sản tài chính khác	-	1.246.149.000	1.246.149.000
Cộng	41.756.762.935	1.246.149.000	43.002.911.935

28. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ thực tế hoạt động của Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là hoạt động mỹ thuật, truyền thông giáo dục, phát hành sách và một bộ phận địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

29. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Tên Công ty	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị phụ thuộc Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Đơn vị phụ thuộc Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Đơn vị phụ thuộc Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Cần Thơ	Đơn vị phụ thuộc Công ty đầu tư
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP In SGK tại TP Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu phát sinh trong kỳ với các bên có liên quan

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Bán tem, sách	72.938.217	188.310.704
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Bán tem, sách	1.844.368.409	1.236.301.140
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Bán tem, sách	165.000.000	441.100.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Bán tem, sách	594.000.000	762.300.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Phim, tem, sách	427.918.647	2.691.004.561
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Thuê nhà, điện, nước	155.073.636	143.141.800
	Phí QLXB	2.154.671.363	494.132.000
	Mua khác	638.387.196	-
Công ty CP In Sách Giáo khoa tại TP Hà Nội	In, thuê kho, xưởng	184.423.536	89.035.476
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Mua sách các loại	1.468.002.878	1.634.635.729
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Mua sách các loại	434.424.150	518.614.800
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Mua sách các loại	1.762.287.839	2.125.341.163
Khác			
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Nhận cổ tức bằng tiền	112.500.000	112.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Số dư trọng yếu với các bên có liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty liên quan	Nội dung	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Phải thu khách hàng	201.273.083	262.802.209
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Phải thu khách hàng	209.787.167	1.153.587.167
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Phải thu khách hàng	653.400.000	1.829.520.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Cần Thơ	Phải thu khách hàng	436.931.000	436.931.000
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Đà Nẵng	Phải thu khách hàng	341.011.535	343.926.735
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Phải thu khách hàng	1.799.993.745	1.852.552.021
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Phải thu khách hàng	-	532.054.724
	Phải trả người bán	1.774.474.038	868.079.284
Công ty CP in Sách Giáo khoa tại TP Hà Nội	Phải trả người bán	202.769.695	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phải trả người bán	1.808.812.467	212.845.102
Công ty Cổ phần Sách TBGD Miền Bắc	Phải trả người bán	571.305.703	-

d. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Lương Ban Giám đốc	1.422.401.081	1.208.196.087
- Giám đốc	667.998.514	491.670.087
- Phó Giám đốc	754.402.567	716.526.000
Thù lao Hội đồng quản trị	360.000.000	324.000.000

30. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

31. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Lê Huy

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Phong Yên

Người lập biểu

Nguyễn Phong Yên



NHA XUẤT BẢN GIAO DỊCH VIỆT NAM
CTCP MĨ THUẬT & TRUYỀN THÔNG

Số : 89 /CV-MTTT

V/v: Giải trình chênh lệch tăng DT,
LNST của 6 tháng đầu năm 2015 so với
6 tháng đầu năm 2014

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông đã gửi Báo cáo tài chính quý II/2015 lên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định. Trong đó, một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của quý II/2015 có tăng hơn so với quý II/2014 (chênh lệch trên 10%). Vì vậy, Công ty chúng tôi làm công văn này xin giải trình đến Quý Sở cụ thể như sau:

- Doanh thu, giá vốn tăng do : Quý II năm 2015 nhiều hơn so với quý II năm 2014 hai cửa hàng bán lẻ (cửa hàng AdcBook Trần Thái Tông mở cửa từ tháng 11/2014 và cửa hàng AdcBook Nguyễn Trãi mở cửa từ tháng 12/2014) nên doanh thu mảng bán lẻ tăng. Tuy nhiên Giá vốn tăng lên tương ứng với mức tăng doanh thu.

- Chi phí bán hàng tăng do các nguyên nhân:

- Việc hai trung tâm AdcBook mới đi vào hoạt động dẫn tới bộ phận bán hàng, khai thác hàng phục vụ trung tâm tăng. Quỹ lương tăng làm tăng chi phí bán hàng.
- Việc phân bổ chi phí đầu tư ban đầu cũng như thuê mặt bằng hai trung tâm mới cũng làm cho chi phí bán hàng tăng.
- Mặt hàng tài liệu mầm non của Công ty có tính cạnh tranh cao, nên 6 tháng đầu năm Công ty cũng phải đẩy mạnh tiếp thị, quảng cáo sản phẩm dẫn đến chi phí bán hàng gia tăng.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng : doanh thu tăng dẫn đến chi phí quản lý doanh nghiệp tăng lên tương ứng để phục vụ nhu cầu quản lý.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGD, KTT, BKS Công ty
- Lưu HC;

CTCP Mĩ thuật và Truyền thông
Giám đốc



Lê Huy